

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 9 – 2021

“ V/v: *Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST- DS, Sngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L, sinh năm 1998, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, Xã S, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Bàn Minh P, sinh năm 1998, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Buôn Q, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Triệu Thị L trình bày:

Chị Triệu Thị L và anh Bàn Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh P không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặt khác,

trong cuộc sống chung chị L và anh P không hợp tính nết, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, không chia sẻ, cảm thông cho nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Bàn Minh P.

Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung là cháu Bàn Minh K, sinh ngày 19/11/2016, cháu K khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị L đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu K đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay chị L làm công nhân với thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, thu nhập ổn định, đảm bảo chăm sóc cháu tốt cả về vật chất lẫn tinh thần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Bàn Minh P trình bày:

Về quan hệ kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung anh P thống nhất như lời trình bày của chị L. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không hợp tính nết, không cùng chung quan điểm sống, dẫn đến cãi vã. Mặc dù biết nguyên nhân mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được cách giải quyết. Anh P biết là tình cảm của chị L đối với anh không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tuy nhiên anh P không muốn cháu K thấy bố mẹ ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh P không đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Hiện nay, anh P làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị L. Chị L được ly hôn với anh P.

Về con chung: Giao cháu Bàn Anh K, sinh ngày 19/11/2016, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Bàn Minh P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/3/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống, chị L và anh P thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến cãi vã, trong cuộc sống không có sự tin tưởng lẫn nhau. Anh P cũng thừa nhận mặc dù biết nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh và chị L vẫn không tìm được cách giải quyết. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy, việc chị L làm đơn ly hôn với anh P là chính đáng cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung là cháu Bàn Anh K, sinh ngày 19/11/2016, chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 **Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016** của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 **Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị L.

Chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Bàn Minh P.

Về con chung: Giao cháu Bàn Anh K, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Triệu Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Triệu Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 60AA/2021/0001119, ngày 07/5/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**